TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2020/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 01 tháng 07 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Phố T, thị trấn M, huyện Gi, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ,xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 06 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 06 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị H được trực tiếp

chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Trung K, sinh ngày 15/01/2015 (hiện nay đang ở cùng với anh Q) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Kiên cùng chị H mỗi tháng là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Anh Q không thi hành hết số tiến cấp dưỡng nuôi con chung theo thỏa thuận, thì hàng tháng Anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở Anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp Anh Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Qt.

2.2 Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị H nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- *Án phí cấp dưỡng:* Chị H nhận nộp thay choAnh Qtheo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000503 ngày 25/05/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBNDxã T;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH